

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huệ

Ông Huỳnh Mậu Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017, về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thụy Diễm T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số D, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 17/4/2018.

- Bị đơn: Anh Lê Nguyên K, sinh năm 1966

Địa chỉ: xxx, S, C, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thụy Diễm T trình bày: Chị và anh Lê Nguyên K tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2014. Sau khi kết hôn anh K về Mỹ, khoảng 06 tháng anh K về Việt Nam thăm chị một lần, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và công việc, hay cãi nhau và không còn quan tâm đến nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 3 năm 2017 đến nay chị không còn liên lạc được với anh K nên chị yêu cầu ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Nguyên K, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp, yêu cầu anh K trả lời các câu hỏi của Tòa án về những nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh, triệu tập anh K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham

gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đến nay anh K không trả lời những câu hỏi của Tòa án. Theo quy định của pháp luật Việt Nam yêu cầu ly hôn của chị T vẫn được tiến hành giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

+ Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai của chị T, chị T xác định sau khi kết hôn thì anh K về Mỹ, khoảng 06 tháng anh K về Việt Nam thăm chị một lần. Do xa nhau về thời gian khá dài nên chị T và anh K không có thời gian quan tâm đến nhau, cũng như bất đồng về quan điểm sống và công việc, mục đích hôn nhân của chị T và anh K không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh K. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... *khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”, nên chấp nhận cho chị T và anh K ly hôn. Về con chung và tài sản chung không có nên không xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thụy Diễm T yêu cầu ly hôn với anh Lê Nguyên K, bị đơn anh K có quốc tịch Hoa Kỳ và đang cư trú tại Hoa Kỳ nên yêu cầu ly hôn của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh K trình bày các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh, triệu tập anh K tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa anh K vắng mặt không rõ lý do.

[4] Tại Công văn số 766/BTP-PLQT ngày 14/3/2018 của Bộ tư pháp thể hiện nội dung: “*Bộ tư pháp nhận được Văn bản số 22114709 ngày 26/02/2018 của Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị tại Công văn số 163/TTTPDS-TA ngày 07/7/2017 đối với đương sự Lê Nguyên K. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện Ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 20/02/2018 bằng phương thức tổng đạt trực tiếp cho đương sự...*”. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

[5] Về hôn nhân: Chị T xác định chị và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17 tháng 7 năm 2014 nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T xác định sau khi kết hôn khoảng 06 tháng anh K về Việt Nam thăm chị một lần, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và công việc, hay cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng sau khi kết hôn chị T và anh K không sống gần nhau và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của của chị T đối với anh K.

[7] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng và chi phí thực tế ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng 2.162.675 đồng (95 USD) chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thụy Diễm T đối với anh Lê Nguyên K. Chị Trần Thụy Diễm T được ly hôn với anh Lê Nguyên K.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu; không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Trần Thụy Diễm T phải chịu, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009547 ngày 13 tháng 6 năm 2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

- Lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng chị Trần Thụy Diễm T phải chịu, chị T đã nộp xong lệ phí 200.000 đồng theo biên lai thu số 0001178 ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu; chi phí thực tế ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng 2.162.675 đồng chị T phải chịu, chị T đã nộp xong.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Thụy Diễm T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; anh Lê Nguyên K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- UBND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)
Trần Ngọc Như**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Như